

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

Dự án: Hệ thống thu gom, xử lý nước mưa, nước thải thành phố Quảng Ngãi, lưu vực phía Nam hạ lưu sông Trà Khúc

Địa điểm: Phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /6/2026 của UBND phường Cẩm Thành).

TT	Theo bản đồ thực hiện dự án 2025						Cây cối, hoa màu				Ghi chú
	Tên chủ sử dụng đất	Tờ bản đồ số	Thửa số	Diện tích (m2)		Loại đất	Loại cây trồng	ĐVT	Số lượng	Năm trồng cây chủ hộ tự kê khai (năm)	
				Diện tích thửa đất	Diện tích quy hoạch						
1	Nguyễn Minh Tự (Là đại diện cho những người cùng sử dụng đất)	4	8	118,6	22,6	ODT	Sầu đông có đường kính gốc > 20cm	Cây	1	2000	
							Tre chưa già	Cây	20	2000	
							Tre già sử dụng được	Cây	40	2000	
2	Nguyễn Thị Chung	4	22	104,3	15,4	ODT	Đu đủ cho quả	Cây	4	2024	
							Chuối con đến chưa cho quả	Cây	5	2024	
							Chuối ra hoa, cho quả	Cây	1	2024	
3	Nguyễn Y Sân	4	27	101,5	18,3	ODT	Sầu đông có đường kính gốc > 8cm đến < 12cm	Cây	2	2017	
							Đu đủ cho quả	Cây	2	2023	
							Trứng cá có đường kính gốc > 7cm đến < 10cm	Cây	3	2017	
4	Hồ Quang Cường	4	75	129,2	5,8	ODT	Cau cho quả	Cây	2	2007	
5	Lê Hồ Đoan Trinh và Hồ Thị Thanh Trà	4	76	127,6	6,1	ODT	Cau cho quả	Cây	4	2007	
6	Hồ Quang Vinh	4	77	126	6,5	ODT	Cau cho quả	Cây	5	2007	
							Cau mới trồng	Cây	1	2022	
7	Hồ Thị Lệ Nhung	4	78	124,2	5,2	ODT	Cau cho quả	Cây	5	2007	
							Dừa cho quả	Cây	1	2000	
							Bơ có đường kính gốc ≤ 20cm, đã cho quả	Cây	3	2018	
8	Hồ Quang Cảnh	4	79	124,2	4,5	ODT	Cau cho quả	Cây	2	2007	

TT	Theo bản đồ thực hiện dự án 2025						Cây cối, hoa màu				Ghi chú
	Tên chủ sử dụng đất	Tờ bản đồ số	Thửa số	Diện tích (m2)		Loại đất	Loại cây trồng	ĐVT	Số lượng	Năm trồng cây chủ hộ tự kê khai (năm)	
				Diện tích thửa đất	Diện tích quy hoạch						
9	Ông Nguyễn Xuân Trinh và bà Trần Thị Ngọc	4	82	144,1	4,2	ODT+ HNK	Cây huyết dụ	Cây	1	2014	Trồng trên đất DGT
							Đinh lăng có chiều cao $\geq 0,3\text{m}$ đến $\leq 0,5\text{m}$	Cây	8	2014	
							Thanh long có chiều cao thân $\geq 50\text{cm}$, chưa cho quả	Cây	3	2014	
							Đu đủ cho quả	Cây	3	2024	
10	Trần Thị Thường	4	84	377,5	22,9	ODT+ HNK	Cau cho quả	Cây	5	2015	
							Cau chưa cho quả	Cây	9	2020	
							Mai có chiều cao $\geq 0,5\text{m}$	Cây	2	2020	
							Mận cho quả	Cây	2	2022	
11	Phạm Phối và Huỳnh Thị Kim Dung	4	86	269,6	31,6	ODT	Cau cho quả	Cây	1,0	2000	
							Chuối ra hoa, cho quả	Cây	8,0	2015	
							Chuối con đến chưa cho quả	Cây	15,0	2015	
							Mai có chiều cao $\geq 0,5\text{m}$	Cây	1,0	2015	
12	Ông Nguyễn Ngọc Danh và Bà Nguyễn Thị Đào	4	91	129,5	18,7	ODT	Cau cho quả	Cây	5,0	1992	
							Sung cho quả	Cây	1,0	2010	
13	Trần Đi	4	92	531,1	57,5	HNK	Cau có chiều cao $\geq 0,5\text{m}$ đến $< 2\text{m}$, chưa cho quả	Cây	18,0	2022	
							Cau cho quả	Cây	8,0	1992	
							Chuối ra hoa, cho quả	Cây	9,0	2022	
							Chuối con đến chưa cho quả	Cây	15,0	2022	
14	Dương Thị Nhật Hằng	4	200	249,7	9,9	ODT	Tre già sử dụng được	Cây	30	1978	
15	Hồ Giới	4	218	311,1	13,8	ODT+ HNK	Dừa cho quả	Cây	5	2000	

TT	Theo bản đồ thực hiện dự án 2025						Cây cối, hoa màu				Ghi chú
	Tên chủ sử dụng đất	Tờ bản đồ số	Thửa số	Diện tích (m2)		Loại đất	Loại cây trồng	ĐVT	Số lượng	Năm trồng cây chủ hộ tự kê khai (năm)	
				Diện tích thửa đất	Diện tích quy hoạch						
							Cau cho quả	Cây	12	2007	
							Nhãn có đường kính gốc < 20cm, đã cho quả	Cây	2	2007	
							Khế cho quả	Cây	1	2007	
							Bơ có đường kính gốc ≤ 20cm, đã cho quả	Cây	1	2018	
							Chuối ra hoa, cho quả	Cây	5	2020	
							Chuối con đến chưa cho quả	Cây	5	2020	
							Bòng tây có đường kính gốc >10cm đến ≤ 30cm	Cây	10	2007	
16	Ông Đặng Trường Hận và bà Hồ Thị Cẩm	4	219	128,9	7,1	ODT+HNK	Ồi cho quả	Cây	2	2018	